

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Ngày 27/12/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK TPHCM) đã cấp Quyết định niêm yết số 491/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung niêm yết cổ phiếu trên SGDCK TPHCM. Ngày 25/1/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung sẽ chính thức giao dịch trên SGDCK TPHCM với mã chứng khoán là **PMG**, với giá tham chiếu là 14.000 đồng/cổ phiếu và biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20%.

Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu 1 số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Tên giao dịch quốc tế : PETRO CENTER CORPORATION

Tên viết tắt : PETRO MIEN TRUNG CO.,JSC

Trụ sở chính : Lô 4, khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : (84 - 0235) 394 7233

Fax : (84 - 0235) 394 7244

Website : <http://petrocenter.com.vn/>

Logo : 

Giấy CNĐKKD : Giấy đăng ký doanh nghiệp số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017

Vốn điều lệ hiện tại : 330.000.000.000 đồng

Vốn thực góp hiện tại : 330.000.000.000 đồng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007. Công ty là một trong những thương hiệu uy tín của thị trường

gas Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, và là đầu mối cung ứng gas cho thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Để phát triển mạng lưới và đạt được mức tăng trưởng lớn hơn trong tương lai, Công ty đã đầu tư vốn vào các công ty lớn và có uy tín hoạt động trong cùng lĩnh vực như:

- Công ty TNHH Gas Miền Trung (tại Quảng Nam) với giá trị vốn góp là 47.000.000.000 đồng, chiếm 94,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Gas Miền Trung;
- Công ty TNHH Trung Nam (tại TP. Hồ Chí Minh) với giá trị vốn góp là 14.250.000.000 đồng, chiếm 95,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Nam;
- Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas (tại Đồng Nai) với giá trị vốn góp là 130.000.000.000 đồng, chiếm 57,78% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas;
- Công ty cổ phần Thương mại V-Gas (tại Đồng Nai) với giá trị vốn góp là 99.500.000.000 đồng, chiếm 14,42% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại V-Gas.

Các lĩnh vực kinh doanh chính:

- Nhập khẩu khí gas, sản xuất vỏ bình gas, chiết nạp và phân phối bình gas 12kg và 45kg dân dụng cho thị trường Miền Trung và Tây Nguyên.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm hợp nhất

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2015	2016	9 Tháng 2017
Doanh thu thuần từ HĐKD	377.051	447.262	618.643
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	370.370	443.746	617.220
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.681	3.516	1.423
Doanh thu tài chính	6.896	32.758	15.910
Doanh thu khác	1.619	7.296	8.024
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	43.193	79.896	99.009
Lợi nhuận sau thuế	9.365	22.429	38.299
Biên lợi nhuận gộp	11,46%	17,86%	16%
Biên lợi nhuận sau thuế	2,5%	5,0%	6,2
Tổng tài sản	588.037	977.844	1.296.926
Tổng vốn chủ sở hữu	209.633	436.227	492.105
ROE	4,47%	5,14%	7,78%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Các chỉ tiêu trong bảng trên đều thể hiện kết quả kinh doanh của Công ty đều đang tăng trưởng theo hướng tích cực. Trong 9 tháng đầu năm 2017, tổng tài sản tăng 32,66% so với cả năm 2016, tăng mạnh ở Tài sản cố định (bao gồm: đầu tư máy móc thiết bị ở các công ty con, phần lớn lại dây chuyền chiết nạp khí gas, bồn chứa nhiên liệu) và Tài sản dở dang dài hạn (kho chứa nạp gas ở Khu kinh tế mở Chu Lai). Các chỉ tiêu về lợi nhuận đều đạt tốc độ tăng tốt. Với kết quả trên, Công ty đã vượt kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (Doanh thu: 550 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 33 tỷ đồng).

Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty ghi nhận khoản Lãi do thanh lý khoản đầu tư 23.16 tỷ. Số tiền này là lãi phát sinh khi Petro miền Trung bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas với giá bán lớn hơn giá gốc khoản đầu tư là 12 tỷ. Ngoài ra, khi thực hiện hợp nhất khoản đầu tư, điều chỉnh khoản đầu tư từ công ty con sang công ty liên kết đối với Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas phát sinh khoản lãi 11.165.947.403 đồng. Khoản lãi khi thoái vốn một phần ở Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas đã được công ty thực hiện theo như hướng dẫn tại TT 202/2014/TT-BTC hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Một số chỉ tiêu tài chính qua các năm

Bảng 2: Một số chỉ tiêu tài chính qua các năm

Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	9th2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,51	1,03	0,52
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,43	0,99	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,64	0,55	0,62
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,81	1,24	1,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,38	19,85	18,99
Doanh thu thuần/tổng tài sản	lần	0,64	0,57	0,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,48	5,01	6,2
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,60	6,95	7,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,60	2,86	3,0
Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,82	6,54	16,0

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC 9 tháng năm 2017)

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty phần lớn có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2015-9 tháng đầu năm 2017. Hệ số thanh toán vẫn còn thấp nhưng thấy rõ có sự cải thiện qua các năm trong khi các hệ số trong nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có mức ổn định. Tuy nhiên, các hệ số trong nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lợi lại có sự tăng trưởng rõ rệt. Như đã phân tích ở trên, trong 9 tháng đầu năm 2017 Doanh thu tăng mạnh cùng với việc tiết giảm chi phí đã làm cho Lợi nhuận sau thuế tăng tích cực.

2. Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 3 : Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		DT	(%)	DT	(%)	DT	(%)
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	370.370	98,2	443.746	99,2	617.220	99,77
2	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.681	1,8	3.516	0,8	1.423	0,23
Tổng cộng		377.051	100	447.262	100	618.643	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2017)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp bình gas dân dụng nên doanh thu tập trung gần như tuyệt đối ở mảng bán hàng hóa, thành phẩm; luôn duy trì ở mức ~98% trong cơ cấu doanh thu. Hoạt động cho thuê máy kiểm định LPG chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ và đang có xu hướng giảm dần.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty qua các năm rất ấn tượng. Nếu như năm 2016, doanh thu hợp nhất tăng 19% so với năm 2015 thì 9 tháng đầu năm 2017 doanh thu đã đạt 618 tỷ, tương đương mức tăng 38,3% so với cả năm 2016. Việc thay đổi thói quen tiêu dùng chuyển từ các hình thức nấu nướng cũ sang sử dụng gas với lợi thế tiết kiệm hơn, sạch hơn của khu vực (Quảng Nam, Tây Nguyên và các tỉnh lân cận) chính là cơ sở để Công ty mở rộng sản xuất và đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu như trên. Năm 2016, PMGAS đã phải mở rộng thêm cơ sở sản xuất bình gas mới có thể đáp ứng được nhu cầu gas trong khu vực.

Tính đến nay, số lượng vỏ bình gas của công ty đã đạt hơn 1.200.000 vỏ bình. Việc nâng cao sản lượng cung cấp ra thị trường cũng như mở rộng thị phần sang các tỉnh Tây nguyên đã mang lại kết quả rất khả quan cho Công ty.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo nhóm sản phẩm năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dòng sản phẩm	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, thành phẩm	37.165	9,9	80.929	18,1	97.326	14,3
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	6.028	1,6	(1.033)	(0,2)	1.683	1,7
Tổng cộng		43.193	11,5	79.896	17,9	99.009	16

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)
 Cùng với đà tăng trưởng của Doanh thu, Lợi nhuận gộp cũng tăng từ năm 2015 đến 9 tháng đầu năm 2017. Với lợi thế cầu cảng Đồng Nai, có thể đón được tàu chở khí với trọng tải 1000 tấn/lần và hệ thống trữ gas lớn nên giúp Công ty không phải nhập hàng nhiều lần. Đồng thời, ngay khi sản phẩm được xuất kho, các đại lý lớn cũng đến lấy hàng trực tiếp tại Công ty thay vì PMGAS phải đưa hàng đi để phân phối. Với cách làm đó, Công ty đã tiết kiệm được chi phí vận chuyển từ khâu nhập hàng đến khâu xuất hàng nên dẫn đến việc chi phí sản xuất kinh doanh giảm qua các năm. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đưa vào sử dụng 02 tổng kho ở Khu kinh tế mở Chu Lai, nên chi phí hoạt động của Công ty sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

3. Cơ cấu chi phí

Bảng 5: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2015, 2016 & 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
1	Giá vốn hàng bán	335.771	89,6	367.366	80,8	519.633	86,25
2	Chi phí tài chính	8.099	2,2	18.577	4,1	18.094	3,00
3	Chi phí bán hàng	21.558	5,8	44.964	9,9	45.759	7,60
4	Chi phí quản lý	7.881	2,1	19.842	4,4	16.848	2,80

TT	Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		9 Tháng Đầu Năm 2017	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
	doanh nghiệp						
5	Chi phí khác	1.288	0,3	3.661	0,8	2.145	0,35
	Tổng cộng	374.597	100	454.410	100	602.479	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2015, 2016 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2017)

Là doanh nghiệp sản xuất bình gas, kinh doanh khí gas nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng chi phí của PMGAS, các chi phí khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Có thể thấy cơ cấu chi phí vẫn ổn định nhưng tốc độ tăng của chi phí đang chậm hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu, cụ thể 9 tháng đầu năm tổng chi phí tăng 32,58% nhưng tổng doanh thu tăng 38,3% so với số liệu của cả năm 2016. Giá vốn hàng bán là chi phí tăng mạnh nhất, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp gần như ổn định. Điều đó cho thấy chiến lược quản trị của Công ty rất phù hợp và mang lại hiệu quả lớn.

III. Vị thế của Công ty trong ngành và triển vọng của ngành

1. Vị thế Công ty trong ngành

Thành lập từ năm 2007, Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là một trong những thương hiệu uy tín của thị trường gas tỉnh Quảng Nam trên lĩnh vực sản xuất vỏ bình gas, tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng; là đầu mối cung ứng gas cho thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Trong những năm qua, tuy chịu tác động từ ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự biến động về giá Gas thế giới tác động lên giá Gas trong nước và sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành, nhưng Công ty đã tận dụng các lợi thế, mạnh dạn đầu tư để thiết lập được một mạng lưới phân phối rộng lớn tại các tỉnh, thành phố để đảm bảo cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng trong thời gian nhanh nhất, với giá cả cạnh tranh cho khách hàng....

So với các công ty kinh doanh Gas nhỏ khác trong ngành, Công ty có lợi thế về hệ thống cầu cảng, kho bãi để nhập khẩu và tích trữ khí LPG. Công ty có cầu cảng tại sông Đòng Nai để nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1000 tấn/lần. Hơn nữa, hệ thống kho chứa và địa điểm chiết xuất Gas có vị trí địa lý gần nhau, giúp doanh cắt giảm được chi phí vận chuyển. Nhờ đó, Công ty kiểm soát tốt và có lợi thế cạnh tranh về giá Gas hơn các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Bảng 6: Một số đối thủ cạnh tranh của PMGAS



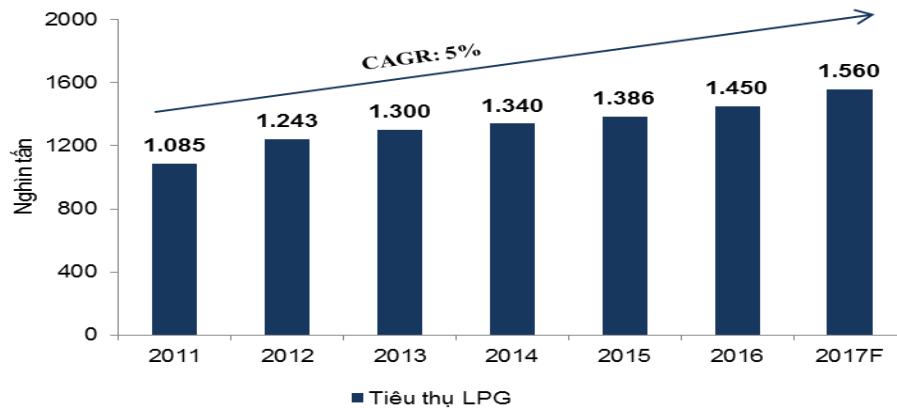
Tên Công ty	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	CTCP Dầu khí Thái Dương	CTCP CNG Việt Nam	CTCP phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Mã cổ phiếu	PMG	TDG	CNG	PGD
Năm thành lập	2007	2005	2007	2007
Vốn điều lệ (triệu đồng)	330.000	129.000	270.000	899.990,25
Ngành kinh doanh chính	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.	Kinh doanh và chiết nạp, đóng bình Gas, mua bán khí đốt hóa lỏng; dịch vụ sang nạp bình gas....	Sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên, cung cấp dịch vụ cải tạo sửa chữa đường ống	Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống, mua bán khí công nghiệp
Doanh thu thuần (triệu đồng) từ đầu năm đến Q3/2017	618.643	93.146	333.493	1.804.862
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) từ đầu năm đến Q3/2017	38.348	11.262	27.770	44.013

(Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017 của các Công ty)

2. Triển vọng phát triển của ngành

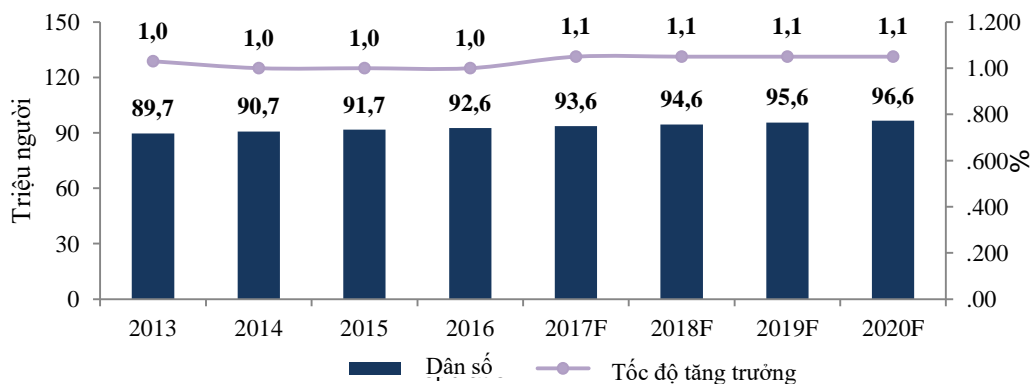
Ngành khí Việt Nam nói chung và ngành kinh doanh LPG (Gas) Việt Nam nói riêng có triển vọng tăng trưởng rất lớn trong thời gian sắp tới. LPG là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ chủ yếu gồm propane và butane, với lợi thế là chất đốt sạch, có thể bảo quản và vận chuyển dưới dạng lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường, LPG là một trong những loại nhiên liệu quan trọng và phổ biến tại Việt Nam. Do đó, gas đang dần trở thành mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hiện đại, trong các ngành thương mại, nông nghiệp và công nghiệp... Nhu cầu tiêu thụ LPG trong nước tăng 5% mỗi năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2017.

Hình 1: 2011 – 2017F Nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam



Nguồn: Bộ Công Thương

Hình 2 : Dân số Việt Nam và tốc độ gia tăng dân số Việt Nam 2013 – 2020F

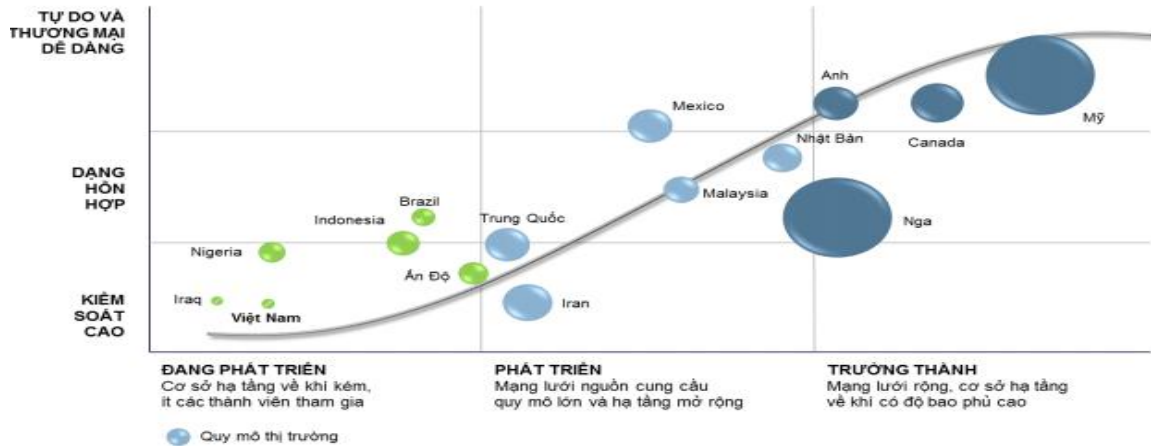


Nguồn: WB

Thị trường LPG ngày càng mở rộng, tốc độ tăng dân số dự báo sẽ tăng trên 1% mỗi năm cho đến 2020 (theo WB) sẽ làm gia tăng sản lượng khí đốt cho nhu cầu sinh hoạt và thúc đẩy thị trường LPG phát triển. Tiêu thụ các sản phẩm khí nói chung trên đầu người của người Việt Nam ở mức tương đối thấp chỉ khoảng 116 m³ khí/người, thấp hơn cả Indonesia với 154 m³ khí/người, Malaysia khoảng 1.311 m³ khí/người và Thái Lan với 778 m³ khí/người. Nếu so với các quốc gia phát triển như Mỹ, Nga, Canada và Anh thì mức độ tiêu thụ khí ở Việt Nam chỉ bằng 6% bình quân tiêu thụ của những quốc gia phát triển này.

Hơn thế nữa, theo hiệp hội gas Việt Nam, hiện tại, mức tiêu thụ LPG trên đầu người của Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực, chỉ khoảng 15,6 kg/người/năm, trong khi Trung Quốc là khoảng 16,9 kg/người/năm và Nhật Bản khoảng 124,4 kg/người/năm. Điều đó cho thấy trong dài hạn, thị trường LPG của Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng. Có thể thấy ngành công nghiệp khí của Việt Nam chỉ đang ở giai đoạn phát triển với xây dựng cơ sở hạ tầng và tiềm năng tăng trưởng còn rất lớn.

Hình 3: Vòng đời ngành khí và vị trí của Việt Nam



Nguồn: GE, VNDIRECT tổng hợp

Từ năm 2008, Việt Nam bắt đầu phải nhập khẩu LPG do nguồn cung LPG trong nước đã không đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ. Trong những năm gần đây, nhu cầu tiêu thụ LPG tăng nhanh. Từ năm 1991, nhu cầu LPG Việt Nam là 50,000 tấn, năm 2000: 400.000 tấn, năm 2007 là 800.000 tấn, đến năm 2011: 1.237.000 tấn. Tốc độ tăng trưởng bình quân nhu cầu tiêu thụ LPG của Việt Nam từ 2005-2010 là 8,5%. LPG là loại nguyên/nhiên liệu được sử dụng rất rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ công nghiệp hóa dầu, chế biến, giao thông vận tải đến dân dụng. Nhu cầu tiêu thụ gas của Việt Nam vẫn sẽ tăng trưởng ổn định. Theo dự kiến của hiệp hội gas Việt Nam, nhu cầu đến năm 2020 là 20 triệu tấn.

Nguồn sản xuất trong nước không đủ cung cấp gas cho toàn bộ thị trường nên khối lượng nhập khẩu gas của cả nước liên tục tăng qua các năm. Theo số liệu từ Tổng Cục Hải quan cho biết, tháng 7/2017 Việt Nam đã nhập khẩu 167 nghìn tấn khí hóa lỏng, trị giá 68 triệu USD, tăng 16,6% về lượng và tăng 11,7% về trị giá so với tháng 6 – đây là tháng thứ hai tăng trưởng liên tiếp – nâng lượng khí hóa lỏng nhập khẩu từ đầu năm đến hết tháng 7 lên 818 nghìn tấn, trị giá 389,9 triệu USD, tăng 22,41% về lượng và tăng 48,02% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam nhập khẩu khí hóa lỏng chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, chiếm 39,8% tổng lượng khí nhập khẩu, đạt 326,3 nghìn tấn, trị giá 164,9 triệu USD, tăng 32,03% về lượng và tăng 55,34% về trị giá. Đứng thứ hai sau Trung Quốc là thị trường UAE, tuy đứng thứ hai nhưng tốc độ nhập khẩu từ thị trường này trong 7 tháng đầu năm tăng mạnh vượt trội cả về lượng và trị giá, tăng lần lượt 123,08% và 168,34%, đạt tương ứng 245,9 nghìn tấn, trị giá 107,9 triệu USD, kể đến là thị trường Saudi Arabia với lượng nhập 44,8 nghìn tấn, trị giá 18 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2016 giảm cả lượng và trị giá, giảm lần lượt 51,41% và 47,26%. Ngoài ba thị trường chính kể trên, Việt Nam còn nhập khẩu từ các thị trường khác nữa như Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc và Quata.

Các tín hiệu kinh tế trong nước có nhiều hỗ trợ cho sự phát triển ngành khí. GDP trong nước vẫn đạt ở mức cao 6,2% năm 2016 và tỷ lệ lạm phát vẫn tương đối thấp 1,8%, bên

cạnh đó lãi suất cấp vốn chỉ tăng nhẹ khoảng dưới 11%/năm sẽ làm điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong ngành tiếp tục đầu tư, phát triển trong giai đoạn sắp tới.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2017-2018

Bảng 7: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2017 và 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch	% +/- /2016	Kế hoạch	% +/- /2017
Doanh thu thuần (triệu đồng)	550.000	22,97	632.500	15,00
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	33.000	47,13	41.113	24,58
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	469.226	7,56	510.339	8,76
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6,00	1	6,50	0,50
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	7,04	1,87	8,05	1,01
Tỷ lệ Cổ tức	5,00	5,00	10,00	5,00

(Nguồn: PMGAS)

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Sau hơn 08 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, kinh tế toàn cầu đang có xu hướng phục hồi tuy nhiên tốc độ còn chậm và không đều. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2014, năm 2015 lần lượt là 3,4% và 4%. Nhưng sang đến năm 2016, những biến động chính trị đã tác động trực tiếp đến các nền kinh tế, GDP toàn cầu của năm này tụt xuống còn 3,1%¹ do tác động của những sự kiện sau.

¹ <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2017/update/01/pdf/0117.pdf>

¹ <http://vov.vn/kinh-te/thi-truong/hau-brexit-dong-bang-anh-truot-doc-khong-phanh-529479.vov>

- Đầu tiên là việc nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh Châu (Brexit) dẫn đến đồng Bảng có đợt sụt giảm tồi tệ nhất trong một ngày (24/06/2016) mất hơn 10% giá trị so với đồng Đô la Mỹ và ở mức thấp kỷ lục trong vòng 31 năm trở lại đây². Brexit gây ra hàng loạt thay đổi lớn trong nền kinh tế không chỉ của EU, Anh Quốc mà còn cả thế giới như Nước Anh không còn là trung tâm tài chính thế giới, hầu hết các công ty lớn phải thiết lập lại hệ thống tổ chức của mình. Tiếp theo, sự bất ổn kinh tế này làm chậm lại quá trình tăng trưởng kinh tế thế giới, gia tăng khuynh hướng bảo hộ, cản trở tốc độ tăng trưởng thương mại đầu tư toàn cầu trong dài hạn, các nhà đầu tư không còn quan tâm nhiều đến cổ phiếu và trái phiếu chính phủ. Bên cạnh đó, Brexit sẽ làm giảm thương mại, đầu tư và năng suất lao động trên quy mô toàn cầu, kết chỉ tính riêng nước Anh Brexit làm giảm thu nhập trên đầu người ở nước Anh trong khoảng từ 6,3% - 9,5%.
- Cùng với sự kiện Brexit, việc ông Donald Trump trở thành Tổng thống Mỹ vào ngày 08/11/2016 đã làm dấy lên những lo ngại về những chính sách kinh tế, thương mại đi ngược lại hoàn toàn với khuynh hướng toàn cầu hóa: loại bỏ các hiệp định thương mại đa phương như Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) và chỉ coi trọng các hoạt động thương mại song phương...
- Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới – Trung Quốc cũng có một năm đầy khó khăn. Tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 6,7% mức thấp nhất trong 26 năm. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng, Trung Quốc đang phải đối mặt với những khó khăn khi đồng nhân dân tệ bị mất giá 6,6% so với đồng Đô La Mỹ, nợ công tăng nhanh ở mức báo động và thị trường chứng khoán lao dốc dẫn đến hành động ngắt giao dịch của chính phủ. Năm 2017 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, khi các chuyên gia cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc chỉ ước đạt 6,5%. Sự biến động của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sẽ khiến nền kinh tế khu vực có nhiều bất ổn và khó dự báo.
- Một vấn đề đáng chú ý nữa là Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và Nga đã ký kết thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu mỏ xuống 1,2 triệu thùng/ngày. Đây là sự kiện tác động không nhỏ đến kinh tế thế giới. Sau khi OPEC và Nga ký kết thỏa thuận cắt giảm sản lượng khai thác dầu mỏ, giá dầu tăng giá (từ 45 USD/thùng lên 52 USD/thùng), tương đương với mức tăng 15,5%. Điều này sẽ đẩy các nền kinh tế dựa nhiều vào xuất khẩu dầu mỏ phải chịu nhiều áp lực vì thiếu nguồn thu.

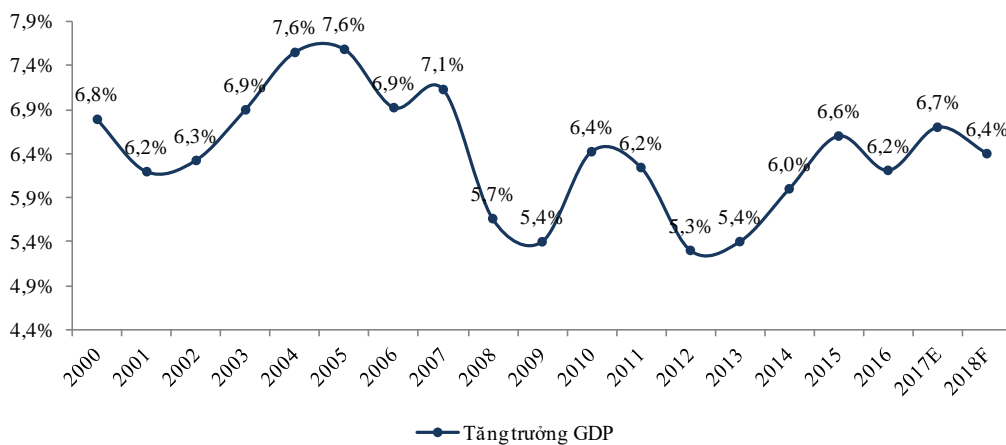
Đối với triển vọng kinh tế năm 2017, IMF đã dự báo tăng trưởng GDP khu vực đồng tiền chung Châu Âu sẽ đạt 2,4% trong năm 2017; trong khi đó, nền kinh tế Châu Á sẽ giảm nhẹ còn 6,2%. Nền kinh tế nhóm 05 nước khu vực Đông Nam Á (Indonesia, Thái Lan, Phi-lip-pin, Malaysia và Việt Nam) được dự báo chỉ đạt 4,9% trong năm 2017 (giảm 0,2% so với mức dự báo tháng 10/2016)³

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam đang dần có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng làm cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Hình 4: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2000 – 2018F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

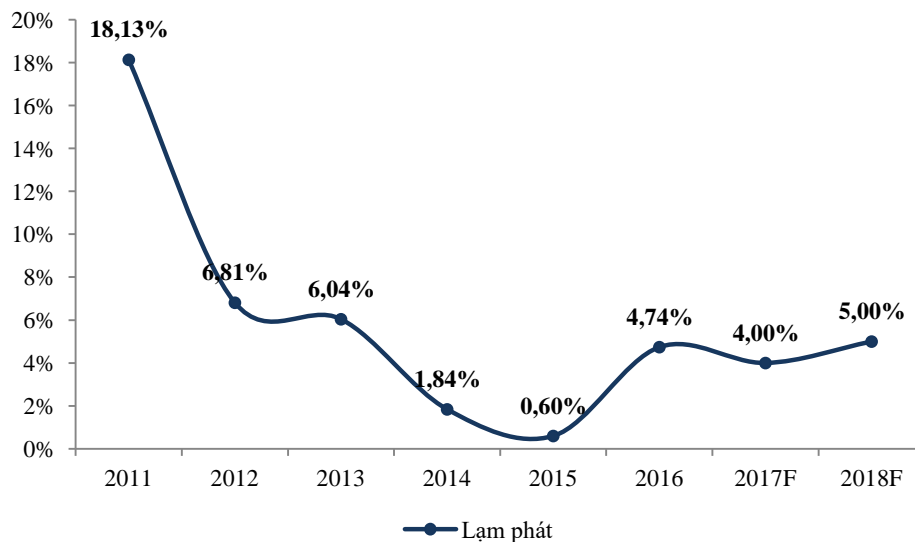
Trước sự bất ổn của nền kinh tế Thế giới làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước, Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Nổi bật trong giai đoạn 2014 - 2016, Việt Nam đã tham gia, ký kết 12 hiệp định thương mại tự do lớn nhỏ với các nước. Những chính sách mà Chính phủ đưa ra đã phát huy tác dụng và đưa nền kinh tế Việt Nam trở lại đà tăng trưởng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2014 cũng như hãng tin kinh tế tài chính lớn nhất thế giới – Bloomberg, với mức tăng trưởng GDP 5,9% năm 2014, Việt Nam đã chính thức trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 02 thế giới sau Trung Quốc. Đến năm 2015, Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP 6,68%, vượt qua mục tiêu 6,2% của Chính phủ. Bước sang năm 2016, dù không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% nhưng với tốc độ tăng trưởng GDP 6,2% cho thấy Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Châu Á.

Dự báo tăng trưởng GDP giai đoạn 2017 – 2020 sẽ tiếp tục khả quan và duy trì được tốc độ phát triển 6,3%/năm. Nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố tích cực như cải cách mạnh mẽ, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

1.3. Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ (CSTT), phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014 và 0,6% năm 2015³.

Hình 5: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2018F



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Giai đoạn 2011-2015 đánh dấu thời kỳ giữ lạm phát ổn định ở mức thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 - 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 - 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

³ <http://tapchitaichinh.vn/ngghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/lam-phat-2011-den-nay-con-so-va-du-bao-84135.html>

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô.

1.4. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2 – 0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7 – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3 – 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5 – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (dưới 01 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 03 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm 2015 có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh.

Năm 2016, các chỉ tiêu tiền tệ biến động đúng định hướng NHNN đề ra từ đầu năm. Mặc dù có áp lực tăng nhưng với việc thực hiện linh hoạt các giải pháp của NHNN, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định, một số TCTD giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay năm 2016 phổ biến khoảng 6,8% - 9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng có xếp hạng tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ưu đãi có thể nằm trong khoảng 4-5%/năm.

1.5. Tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện giao dịch trong nước và các giao dịch với đối tác nước ngoài đều chủ yếu sử dụng bằng đồng nội tệ do đó rủi ro về ngoại hối sẽ không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Pháp luật và môi trường pháp lý có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm khí, do vậy, Công ty chịu sự điều chỉnh của các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật dầu khí...các pháp luật liên quan. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của Việt Nam cũng như cơ chế quản lý vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự điều chỉnh có thể sẽ xảy ra. Đặc biệt, Bộ Công Thương đã ký Nghị định 19/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng. Tuy nhiên,

sau khi triển khai áp dụng đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, do đó Bộ Công Thương đang tiến hành lấy ý kiến sửa đổi bổ sung. Sự thay đổi về mặt chính sách đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro vận hành, cháy nổ

Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, phân phối khí và các sản phẩm khí thì sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, con người, môi trường, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường là mục tiêu hàng đầu. Trong quá trình hoạt động, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động của mình. Định kỳ, Công ty đều mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc cho toàn bộ tài sản của PMG tại các công ty bảo hiểm (Năm 2017, Công ty đã mua bảo hiểm số QNA.D01CF.17. 819913 với CTCP Bảo Việt Quảng Nam).

3.2. Rủi ro về sản lượng khí

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty là nhập khẩu từ các nước và thu mua từ các đơn vị phân phối trong nước. Nếu sản lượng khí khai thác được của các nước thấp hơn so với dự báo sẽ có rủi ro tăng giá khí, hạn chế nguồn cung. Tuy nhiên, PMG đã có những cam kết với các nhà cung cấp khí và Công ty cũng có những nguồn cung cấp khí thay thế để có thể bù đắp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào trong trường hợp thị trường khí diễn biến không thuận lợi.

3.3. Rủi ro về biến động giá năng lượng

Giá nguyên liệu, sản phẩm công ty nhập khẩu và thu mua như LPG (Gas) biến động theo giá thị trường thế giới. Cụ thể, Giá LPG nhập khẩu trong nước là giá hợp đồng Saudi Armaco, thường gọi tắt là giá CP Saudi. Giá CP Saudi lại chịu ảnh hưởng lớn từ giá dầu mỏ. Ngoài ra, còn nhiều yếu tố khác tác động vào giá LPG như tỷ giá hối đoái, phí vận chuyển, khối lượng kinh doanh, tính mùa vụ, thuế và các vấn đề chính trị làm gián đoạn nguồn cung. Do đó, nếu có biến động đột ngột với mức độ lớn có thể tác động tới kết quả kinh doanh của Công ty. Giá khí được hình thành dựa trên một số nhân tố như theo giá dầu, giá khí cạnh tranh, thỏa thuận mua bán hoặc theo chính phủ quy định. Cụ thể:

Theo giá dầu: Giá khí được liên kết thông qua giá cơ sở với những điều khoản theo biến động của giá nhiên liệu cạnh tranh, thông thường là dầu thô hoặc dầu nhiên liệu.

Theo giá khí cạnh tranh: Giá khí được xác định bởi cung cầu và được giao dịch qua nhiều giai đoạn khác nhau (hàng ngày, hàng tháng, hàng năm hoặc các giai đoạn khác). Giao dịch diễn ra tại trung tâm giao dịch (như Hub Henry) hoặc trung tâm thông tin (như NBP ở Anh). Không phải tất cả khí đều được mua và bán trên cơ sở giá cố định ngắn hạn và sẽ có hợp đồng dài hạn hơn nhưng chúng sẽ sử dụng các chỉ số giá khí để xác định giá hàng tháng (không phải chỉ số nhiên liệu cạnh tranh)

Theo thỏa thuận mua bán: Giá được xác định thông qua thỏa thuận song phương giữa một người bán lớn và một người mua lớn, với mức giá được ấn định trong một khoảng thời gian – thường là một năm. Có thể có hợp đồng bằng văn bản nhưng thường sự sắp xếp này nằm ở cấp Chính phủ hoặc công ty Nhà nước. Thông thường sẽ có một người mua hoặc người bán chiếm ưu thế về ít nhất một mặt của giao dịch để phân biệt với giá khí cạnh tranh.

Theo sản phẩm đầu ra: Giá mà nhà cung cấp khí nhận được là một hàm số của giá mà người mua nhận được cho sản phẩm cuối cùng mà người mua sản xuất. Điều này có thể được xảy ra khi khí được sử dụng làm nhiên liệu trong các nhà máy hóa học, như amonia hoặc methanol, và là chi phí biến đổi lớn trong sản xuất sản phẩm.

Nhằm hạn chế những tác động của biến động giá năng lượng thế giới, Công ty luôn chủ động trong việc nhập hàng cũng như dự trữ nguyên liệu để tránh bị tình trạng thiếu hụt hay dư thừa, tiết giảm chi phí vận chuyển, nâng cao năng lực và kỹ thuật của đội ngũ CBCNV, thường xuyên đầu tư, áp dụng các công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh....

3.4. Rủi ro về sản phẩm thay thế

Định hướng phát triển nguồn năng lượng tái tạo dần thay thế nguồn năng lượng hóa thạch truyền thống sẽ dẫn tới rủi ro lớn cho nguồn năng lượng hóa thạch hiện tại nói chung và ngành khí Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, nguồn năng lượng tái tạo mặc dù có lợi thế là nguồn năng lượng vô hạn, nhưng độ ổn định thấp hơn nguồn năng lượng hóa thạch. Do đó, việc phát triển năng lượng tái tạo sẽ cần phải tiến hành đồng thời với nhiên liệu hóa thạch sạch là lựa chọn để duy trì sự bền vững cho nền năng lượng quốc gia. Hơn nữa, khí LPG lại là nhiên liệu sạch và rẻ sử dụng trong đun nấu và sinh hoạt hàng ngày, do đó khó có nguồn năng lượng nào thay thế đáp ứng đủ điều kiện thuận tiện, giá rẻ và sạch, đáp ứng nhu cầu của số đông bộ phận dân cư như LPG.

4. Rủi ro về sự biến động giá trên Thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro miền Trung sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu được xác định dựa theo cung và cầu của thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Các cổ đông của Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu. Ngoài tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thì có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của PMG, ví dụ như tình hình kinh tế, xã hội nói chung, các ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp từ thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán hoặc các sự kiện khác không lường trước được. Sự biến động tiêu cực của giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của Công ty cũng như có thể gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

5. Rủi ro trong công tác quản lý

Với việc sở hữu các công ty con cùng hệ thống công ty liên kết khiến cho Công ty có rủi ro trong công tác quản lý, quản trị, điều hành các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, với kinh

nghiệm đã có từ trước tới nay cùng sự tương ứng về ngành nghề kinh doanh giữa các Công ty con, công ty liên kết, Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro miền Trung sẽ hạn chế được các rủi ro trong việc quản lý và quản trị các đơn vị thành viên.

6. Rủi ro cạnh tranh

Với lợi thế về hệ thống cầu cảng, kho bãi để nhập khẩu và tích trữ khí LPG như cầu cảng tại sông Đòng Nai, Công ty có thể nhập khẩu khí Gas với khối lượng nhập 500 – 1500 tấn/lần nên Công ty có lợi thế về tính ổn định của nguồn cung trong nước với giá rẻ. Đồng thời, qua 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã tạo dựng được thương hiệu của mình tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải một số cạnh tranh nhất định từ các đối thủ cạnh tranh như:

- Cạnh tranh trực tiếp với các tập đoàn đa quốc gia, các hãng Gas lớn có tiềm lực về vốn, về kinh nghiệm trong sản xuất, quản lý và điều hành. Để có thể duy trì và phát triển trên thị trường, Công ty phải củng cố và nâng cao năng lực quản lý, tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Cạnh tranh với các hãng Gas lớn khi đã khấu hao xong bình Gas, thiết bị so với sự đầu tư mới của Công ty.
- Cạnh tranh gián tiếp với các nguồn nhiên liệu thay thế: nguồn năng lượng tái tạo đang được đưa vào sử dụng để thay thế cho nguồn năng lượng hóa thạch.

7. Rủi ro về chính sách

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng, là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và khá đặc thù nên sự thay đổi về chính sách sẽ có ảnh hưởng không nhỏ lên các công ty trong ngành nói chung và Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung nói riêng. Nghị định 19/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2016, thay thế Nghị định số 107/2009/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng nhằm khuyến khích kinh doanh đối với cơ sở LPG vừa và nhỏ. Theo đó, một số nội dung của Nghị định mới sẽ làm chuyển biến thị trường LPG. Điều kiện kinh doanh được nới lỏng hơn như giảm sức chứa các bồn LPG tối thiểu xuống còn 300 m³ đối với thương nhân phân phối LPG chai hay giảm số lượng chai LPG 12 kg từ 300.000 chai (theo Nghị định 107/2009/NĐ-CP) xuống còn 150.000 chai (theo Nghị định 19/2016/NĐ-CP). Việc nới lỏng các điều kiện kinh doanh sẽ giúp cho thị trường có nhiều công ty có tiềm lực tài chính khiếm tốn được gia nhập thị trường

8. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, khủng bố... là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài quyền kiểm soát của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến nguồn cung đầu vào và việc phân phối các sản phẩm khí đầu ra của Công ty.